

BỘ THƯƠNG MẠI
Số: 34/1999/TT-BTM

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Hà Nội, ngày 15 tháng 12 năm 1999

THÔNG TƯ

Hướng dẫn thực hiện Quyết định

số 178/1999/QĐ-TTg ngày 30/8/1999 của Thủ tướng

Chính phủ ban hành Quy chế Ghi nhãn hàng hóa lưu thông
trong nước và hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu

Căn cứ Quyết định số 178/1999/QĐ-TTg ngày 30/8/1999 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Quy chế Ghi nhãn hàng hoá lưu thông trong nước và hàng hoá xuất khẩu, nhập khẩu (dưới đây gọi là Quy chế), Bộ Thương mại hướng dẫn một số điểm cụ thể để thi hành thống nhất như sau:

I. GIẢI THÍCH MỘT SỐ QUY ĐỊNH CHUNG

1. Phạm vi điều chỉnh:

Mọi hàng hoá đang lưu thông trong nước và hàng hoá xuất khẩu, nhập khẩu đều phải có nhãn hàng hoá và thực hiện việc ghi nhãn theo Quy chế, trừ hàng hoá tạm nhập tái xuất, hàng hoá gia công cho nước ngoài, và các loại hàng hoá ghi tại khoản 2 Điều 1 Quy chế.

2. Phân biệt giữa Nhãn hàng hoá và Nhãn hiệu hàng hoá

a) Theo quy định tại khoản 1 Điều 3 Quy chế, Nhãn hàng hoá là bản viết, bản in, hình vẽ, hình ảnh, dấu hiệu được in chìm, in nổi trực tiếp hoặc được dán, đính, cài chắc chắn trên hàng hoá hoặc trên bao bì để thể hiện các thông tin cần thiết, chủ yếu về hàng hoá đó.

b) Theo quy định tại Điều 785 Bộ Luật Dân sự, Nhãn hiệu hàng hoá là những dấu hiệu dùng để phân biệt hàng hoá, dịch vụ cùng loại của các cơ sở sản xuất, kinh

doanh khác nhau. Nhãn hiệu hàng hoá có thể là từ ngữ, hình ảnh hoặc sự kết hợp các yếu tố được thể hiện bằng một hoặc nhiều màu sắc.

Dấu hiệu nói trên được thương nhân chọn làm biểu tượng để đăng ký bảo hộ sở hữu công nghiệp sản phẩm của mình theo quy định chi tiết về Sở hữu công nghiệp (tại Điều 6 Nghị định số 63/CP ngày 24/10/1996 của Chính phủ)

3. Ngôn ngữ trình bày nhãn hiệu hàng hoá

a) Theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 5 Quy chế, đối với hàng hoá nhập khẩu để lưu thông, tiêu thụ tại thị trường Việt Nam, khi ký kết hợp đồng nhập khẩu, thương nhân cần yêu cầu để phía cung cấp hàng chấp nhận ghi thêm trên phần nhãn nguyên gốc bằng tiếng nước ngoài các thông tin thuộc nội dung bắt buộc bằng tiếng Việt Nam nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho người tiêu dùng Việt Nam để ràng lựa chọn và sử dụng hàng hoá.

b) Nhãn phụ quy định tại điểm b khoản 3 Điều 5 được hiểu không phải là nhãn gốc bằng tiếng nước ngoài mà là nhãn ghi bằng tiếng Việt Nam với 8 nội dung bắt buộc được dán, đính hoặc kèm theo hàng hoá cung cấp cho người mua trước hoặc sau khi đã hoàn thành thủ tục nhập khẩu tại Hải quan.

+ Nhãn phụ được sử dụng trong trường hợp thương nhân nhập khẩu không thoả thuận được với phía nước ngoài cung cấp hàng ghi trên phần nhãn nguyên gốc các thông tin thuộc nội dung bắt buộc bằng tiếng Việt Nam.

+ Nhãn phụ không làm che lấp phần nhãn nguyên gốc bằng tiếng nước ngoài; các hàng hoá có tính chất sử dụng phức tạp và đòi hỏi tính an toàn, có kèm theo tài liệu thuyết minh hướng dẫn sử dụng bằng tiếng nước ngoài đều phải có bản dịch ra tiếng Việt Nam và kèm theo bản gốc tiếng nước ngoài để cung cấp cho người mua.

+ Nhãn phụ còn phải được dán, đính hoặc kèm theo hàng hoá tại nơi bán hàng đối với hàng hoá không có bao bì.

+ Tên của thành phần cấu tạo hàng hoá là chất hoá học trên nhãn phụ phải ghi bằng tiếng Việt Nam hoặc ghi bằng tên La tinh hoặc bằng công thức hoá học.

II. GHI NỘI DUNG CỦA NHÃN HÀNG HOÁ

A. NỘI DUNG BẮT BUỘC

1. Tên hàng hoá

- Tên hàng hoá được chọn lựa để ghi nhãn hàng hoá quy định tại khoản 1, 2, 3, 4 Điều 6 đều căn cứ vào công dụng chính và tính chất đặc trưng tự nhiên của chúng để đặt tên hoặc mô tả. Việc đặt tên hàng hoá theo khoản 4 Điều 6 Quy chế cần tránh nhầm lẫn tên hàng hoá với tên hiệu của nhà sản xuất hoặc tên chủng loại của hàng hoá. Ví dụ: Bột giặt (là tên hàng hoá) VISO, OMO... (là tên hiệu của nhà sản xuất); Thuốc cảm (là tên hàng hoá) Asperine, Decolgen... (là tên chủng loại hàng hoá)...
- Việc chọn tên hàng hoá trong hệ thống mã số phân loại HS để ghi tên Nhãn hàng hoá quy định tại khoản 3 Điều 6 được hiểu là chỉ ghi tên hàng hoá mà không phải ghi mã số HS phân loại hàng hoá lên nhãn hàng hoá.

2. Tên và địa chỉ của thương nhân chịu trách nhiệm về hàng hoá

- Theo quy định tại Điều 7 Quy chế, tên và địa chỉ thương nhân chịu trách nhiệm về hàng hoá là tên và địa chỉ của thương nhân theo đăng ký hoạt động kinh doanh.
- Theo quy định tại khoản 2 Điều 7 Quy chế, việc ghi tên và địa chỉ của thương nhân chịu trách nhiệm về hàng hoá do mình lắp ráp được hiểu là áp dụng cho cả việc đóng gói lại hàng hoá để bán. Tên và địa chỉ cơ sở đóng gói được ghi là: cơ sở đóng gói... hoặc đóng gói tại.....

3. Định lượng hàng hoá

- Việc ghi định lượng của hàng hoá lên Nhãn hàng hoá theo hệ đơn vị đo lường quốc tế SI (System International) tại khoản 2 Điều 8 Quy chế được thực hiện theo một số đơn vị đo lường gồm: đơn vị đo, ký hiệu đơn vị đo, cách dùng đơn vị đo tại Bảng 1 dưới đây.

BẢNG 1

Số TT	Một số đơn vị đo lường, được dùng để ghi nhãn công bố định lượng hàng hoá	Ký hiệu đơn vị đo	Cách dùng đơn vị đo

1	Đơn vị đo khối lượng được dùng: - Kilôgam - gam - miligam	kg g mg	- Dưới 1 kg thì dùng đơn vị g (ví dụ: viết 500g mà không viết 0,5 kg); Dưới g thì dùng đơn vị mg (ví dụ viết 500 mg mà không viết 0,5g). - Từ một kg trở lên thì dùng đơn vị kg và phần số thập phân không quá 3 con số (ví dụ: viết 1,5 kg mà không viết 1500g)
2	Đơn vị đo thể tích được dùng: * Cho hàng hoá là chất lỏng - Lít - Mililít * Dùng cho hàng hoá dạng hình khối - Mét khối - Decimét khối - Centimét khối	L, l mL, ml m^3 dm^3 cm^3	- Dưới một lít thì dùng đơn vị ml (ví dụ: viết 500ml mà không viết 0,5 lít) - Từ một lít trở lên dùng đơn vị lít và phần số thập phân không quá 3 con số (ví dụ: 1,75 lít mà không viết 1750 ml) - Dưới $1m^3$ thì dùng dm^3 hoặc cm^3 - Từ $1m^3$ trở lên thì dùng đơn vị m^3 và phần số thập phân không quá 3 con số
3	Đơn vị đo diện tích được dùng		

	- Mét vuông - Decimét vuông - Centimét vuông - Milimét vuông	m^2 dm^2 cm^2 mm^2	- Dưới $1 m^2$ thì dùng dm^2 và phần thập phân của dm^2 hoặc cm^2 và phần thập phân của cm^2 hoặc mm^2 - Từ $1 m^2$ trở lên dùng đơn vị m^2 và phần số thập phân không quá 3 con số
4	Đơn vị đo độ dài được dùng: - Mét - Centimét - Milimét	m cm mm	- Dưới 1 m thì dùng đơn vị cm hoặc mm - Từ 1 m trở lên dùng đơn vị mét và phần thập phân không quá 3 con số

- Trường hợp hàng hoá sản xuất tại Việt Nam để xuất khẩu, có thể dùng đơn vị đo của hệ đo lường khác theo hợp đồng thoả thuận với nước nhập khẩu.

- Theo khoản 1 Điều 8 Quy chế, việc ghi định lượng của hàng hoá trên nhãn hàng hoá tùy thuộc tính chất của hàng hoá chứa đựng trong bao bì và tình trạng bao bì đóng gói, cụ thể:

+ Ghi định lượng "Khối lượng tịnh" áp dụng cho các trường hợp

* Hàng hoá chứa trong bao bì ở dạng chất rắn, dạng nhão, keo sệt, dạng hỗn hợp chất rắn với chất lỏng; dạng hàng hoá là thể khí nén (khí oxy, Amoniắc, Carbonic, gaz đốt...) chứa đựng trong bao bì chịu áp lực. Đơn vị đo khối lượng tịnh được dùng là mg, g, kg.

* Trường hợp hàng hoá có dạng hỗn hợp chất rắn và chất lỏng, phải ghi khối lượng chất rắn và tổng khối lượng hỗn hợp gồm cả chất rắn và chất lỏng.

* Trường hợp hàng hoá có dạng keo sệt chứa trong bao bì là bình phun có thêm chất tạo áp lực phun thì phải ghi tổng khối lượng của hàng hoá gồm khối lượng chất keo